

Số: **541** /TB-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **10** tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức học bổ sung các học phần văn hóa để hoàn thành kiến thức
THPT cho học sinh Trung cấp hệ 1 năm 3 tháng, khóa 19T2
và các khóa cũ

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 696/QĐ-LTT-ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh (Gọi tắt là Quy định đào tạo 713);

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường;

Nay Nhà trường thông báo kế hoạch tổ chức học bổ sung các học phần văn hóa để hoàn thành kiến thức THPT cho học sinh Trung cấp hệ 1 năm 3 tháng, khóa 19T2 và các khóa cũ, diện chưa tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương, cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG:

1. Học sinh khóa 15 TCT, 16 TCT, 17T2, 18T2 diện chưa tốt nghiệp Trung học phổ thông có điểm trung bình cả năm lớp 12 **các môn Toán, Lý, Hóa, Văn** dưới 5,0 bắt buộc phải học bổ sung và kiểm tra đánh giá học phần để hoàn thành kiến thức văn hóa THPT.

2. Học sinh khóa 15 TCT, 16 TCT, 17T2, 18T2 đã học bổ sung kiến thức văn hóa nhưng có điểm học phần văn hóa (Toán, Lý, Hóa, Văn) chưa đạt.

II. SỐ TIẾT HỌC: 30 tiết/ môn

III. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ MÔN HỌC

1. Học sinh khóa 15 TCT, 16 TCT, 17T2, 18T2 (02 tuần): **Từ ngày 22/6/2020 đến ngày 04/7/2020.**

2. Học sinh khóa 19T2: Phòng Tuyển sinh – Đào tạo sẽ đăng ký cho học sinh.

IV. THỜI GIAN HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VÀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC:

1. Thời gian học: **Từ ngày 06/7/2020** (có thời khóa biểu cụ thể sau).

2. Thời gian thi kết thúc môn học: sẽ có lịch thi cụ thể sau.

V. HỌC PHÍ:

1. Học phí: **540.000 đồng/môn.**

2. Học sinh đóng tiền học phí tại phòng Kế hoạch – Tài chính của trường từ ngày **22/6/2020 đến ngày 04/7/2020.**

* **Đề nghị:** Các Trường đơn vị có liên quan, căn cứ kế hoạch này triển khai các công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo chức năng đã quy định như các lớp học chính khóa, khoa thông báo cho học sinh để biết và thực hiện. /

Nơi nhận:

- Các Trường đơn vị;
- Website của trường;
- GVCN;
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu: VT; TS-ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



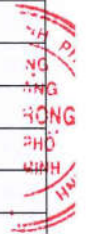
Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP KHÓA 2019 (12 + 1 NĂM 3 THÁNG)

STT	MSHS	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Điểm TBC lớp 12				Điểm thi tốt nghiệp THPT			Nộp bổ sung	
							Toán	Lý	Hóa	Văn	Toán	Lý	Hóa	Bản sao Học bạ	Bản sao phiếu điểm thi TN
1	19002735	Trương Hoài	Bảo	Nam	27/09/2000	19T2-CCK1	5,9	6,1	5,2	4,8					
2	19003923	Nguyễn Xuân	Chinh	Nam	05/07/1997	19T2-CCK1	5,4	5,0	5,8	5,6					
3	19004248	Đỗ Nguyễn Quang	Dũng	Nam	09/05/2001	19T2-CCK1	5,7	5,0	5,9	5,1					
4	19004493	Phạm Tiến	Hội	Nam	04/05/2001	19T2-CCK1	6,5	4,9	5,5	5,8					
5	19003397	Khúc Việt	Hùng	Nam	14/12/2001	19T2-CCK1	5,6	6,1	4,9	4,0					
6	19004242	Vũ Đức Duy	Khương	Nam	25/12/1998	19T2-CCK1	6,1	3,8	3,9	6,0					
7	19003328	Nguyễn Văn	Nam	Nam	05/10/2001	19T2-CCK1	5,4	5,6	5,9	5,6					
8	19003294	Lê Trung	Nguyễn	Nam	20/11/2001	19T2-CCK1	4,3	5,9	5,7	5,0					
9	19002653	Văn Minh	Phong	Nam	30/06/2001	19T2-CCK1	7,2	6,0	7,0	5,3					
10	19000360	Trần Minh	Quân	Nam	18/11/2001	19T2-CCK1								X	
11	19003067	Lê Tấn	Sang	Nam	15/01/2001	19T2-CCK1	6,3	5,5	5,1	5,0					
12	19002288	Huỳnh Đặng	Tài	Nam	07/03/2001	19T2-CCK1	5,5	6,6	5,5	5,0					
13	19003213	Lê Văn	Thạch	Nam	04/08/2001	19T2-CCK1	3,6	5,1	5,1	5,7					
14	19001826	Nguyễn Tân	Thái	Nam	15/12/2001	19T2-CCK1	6,6	6,4	5,4	4,4					
15	19004293	Nguyễn Công	Thành	Nam	02/06/2001	19T2-CCK1	6,0	6,8	7,1	6,0					
16	19003988	Bùi Văn	Thi	Nam	25/10/1998	19T2-CCK1	5,0	7,3	5,2	4,7					
17	19004228	Lê Hùng	Thi	Nam	08/01/2001	19T2-CCK1								X	
18	19003214	Nguyễn Ngọc	Thiện	Nam	24/08/2001	19T2-CCK1	3,9	5,4	5,3	4,9					
19	19004528	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	07/01/2001	19T2-CCK1	5,2	5,8	4,9	5,5					
20	19002259	Trần Hữu	Toàn	Nam	15/01/2001	19T2-CCK1	4,6	5,3	5,3	5,0					
21	19002869	Nguyễn Minh	Triết	Nam	18/10/2000	19T2-CCK1	7,8	6,6	4,6	4,8					
22	19003804	Vân Châu Thanh	Tú	Nam	26/05/2000	19T2-CCK1	4,4	5,2	4,8	3,5					
23	19004172	Mai Hoàng	Tuấn	Nam	06/04/2001	19T2-CCK1	5,1	6,2	5,6	6,5					
24	19002796	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	10/08/2001	19T2-CCK1	6,6	5,9	6,5	5,8					
25	19004080	Phạm	Tuấn	Nam	25/10/2000	19T2-CCK1	6,3	5,3	4,7	4,7					
26	19003139	Tô Xuân	Tùng	Nam	17/07/2001	19T2-CCK1	6,7	6,4	6,9	5,1					
27	19003890	Nguyễn Tấn	An	Nam	04/10/2001	19T2-CNÔ1	6,5	7,3	7,5	4,6					
28	19004334	Huỳnh Minh	Anh	Nam	15/06/2001	19T2-CNÔ1	7,6	8,8	8,5	7,6					
29	19003922	Lê Hoàng Tuấn	Anh	Nam	24/02/2001	19T2-CNÔ1	4,1	3,8	4,6	4,8					
30	19003946	Trần Quang	Chức	Nam	20/05/2001	19T2-CNÔ1	6,4	5,5	6,4	6,0					
31	19003622	Trần Thanh Anh	Cường	Nam	06/05/2001	19T2-CNÔ1	6,9	7,1	5,7	5,7					
32	19003897	Phan Quang	Đại	Nam	30/04/2001	19T2-CNÔ1	6,0	6,1	4,5	4,4					
33	19005304	Lê Hải	Dăng	Nam	16/06/1998	19T2-CNÔ1	5,7	5,2	5,9	5,9					
34	19003835	Nguyễn Phong	Dinh	Nam	09/01/2001	19T2-CNÔ1	4,8	4,9	4,5	5,2					
35	19005094	Trần Văn	Đức	Nam	04/08/2001	19T2-CNÔ1	7,1	6,9	6,3	5,0					
36	19004286	Lê Tiến	Dũng	Nam	01/09/2001	19T2-CNÔ1	5,4	6,2	6,8	6,0					
37	19003455	Võ Thanh	Dũng	Nam	25/11/2001	19T2-CNÔ1	6,8	7,0	6,1	5,9					
38	19003232	Phạm Quốc	Duy	Nam	25/09/1990	19T2-CNÔ1	3,5	5,4	5,4	5,2					

STT	MSHS	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Điểm TBC lớp 12				Điểm thi tốt nghiệp THPT			Nộp bổ sung	
							Toán	Lý	Hóa	Văn	Toán	Lý	Hóa	Bản sao Học bạ	Bản sao phiếu điểm thi TN
39	19004180	Phạm Quốc	Duy	Nam	10/02/2001	19T2-CNÔ1	6,3	7,0	7,1	5,5					
40	19002997	Thân Quốc	Duy	Nam	15/05/2001	19T2-CNÔ1	5,3	6,3	6,3	6,2					
41	19004129	Vô Tùng	Duy	Nam	04/12/2000	19T2-CNÔ1	5,6	6,3	5,9	5,0					
42	19004387	Lâm Phú	Gia	Nam	29/12/2001	19T2-CNÔ1	5,2	3,6	5,3	2,3					
43	19004397	Đỗ Minh	Hiếu	Nam	14/12/2000	19T2-CNÔ1	5,4	6,3	6,8	5,4					
44	19004510	Nguyễn Vinh	Hiếu	Nam	09/01/2001	19T2-CNÔ1	6,5	6,7	6,0	5,1					
45	19002052	Dương Minh	Hoàng	Nam	21/02/2001	19T2-CNÔ1	6,1	6,4	6,2	5,1					
46	19004640	Nguyễn Thành	Hội	Nam	10/08/2000	19T2-CNÔ1	7,0	7,1	5,8	7,4					
47	19004573	Đặng Văn	Hùng	Nam	01/01/2001	19T2-CNÔ1	6,2	7,0	8,3	5,9					
48	19002308	Trần Anh	Huy	Nam	24/09/2001	19T2-CNÔ1								X	
49	19001868	Đinh Hoàng Gia	Khang	Nam	07/05/2001	19T2-CNÔ1	7,0	7,6	7,1	5,9					
50	19003506	Nguyễn Dương Duy	Khang	Nam	28/09/2001	19T2-CNÔ1	6,0	7,6	6,0	6,5					
51	19005328	Trần An	Lạc	Nam	01/03/2001	19T2-CNÔ1	5,0	5,6	5,4	5,4					
52	19001789	Nguyễn Ngọc	Liêm	Nam	17/04/2001	19T2-CNÔ1	7,0	7,3	6,6	6,8					
53	19004389	Nguyễn Thành	Lợi	Nam	12/12/1997	19T2-CNÔ1	5,8	5,7	6,0	5,9					
54	19004381	Nguyễn Đình	Luân	Nam	12/05/2001	19T2-CNÔ1	5,4	6,8	5,7	5,4					
55	19005178	Nguyễn Thành	Luân	Nam	05/07/1997	19T2-CNÔ1	4,5	4,3	4,6	4,2					
56	19003252	Nguyễn Minh	Mẫn	Nam	09/04/2001	19T2-CNÔ1	6,5	6,6	7,1	5,0					
57	19004009	Trần Anh	Minh	Nam	24/08/2001	19T2-CNÔ1	4,3	7,5	6,8	4,9					
58	19004394	Nguyễn Văn	Nam	Nam	27/02/2000	19T2-CNÔ1	5,9	7,4	7,3	4,6					
59	19003552	Lê Thành	Nhân	Nam	19/07/2001	19T2-CNÔ1	5,5	5,3	4,1	5,8					
60	19004625	Huỳnh Công	Nhiên	Nam	15/07/2001	19T2-CNÔ1	6,1	7,7	7,6	5,1					
61	19004254	Vũ Quốc	Pháp	Nam	09/10/2001	19T2-CNÔ1	5,6	6,5	7,1	4,5					
62	19001718	Hồ Nhật Nam	Phong	Nam	12/03/2000	19T2-CNÔ1	8,0	6,2	7,2	6,2					
63	19003820	Đỗ Đông	Phương	Nam	27/12/2000	19T2-CNÔ1	3,9	4,4	5,2	5,1					
64	19003837	Nguyễn Nhật	Quang	Nam	19/11/2001	19T2-CNÔ1	3,6	4,6	4,7	7,0					
65	19002030	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	16/11/2001	19T2-CNÔ1	6,8	6,9	6,0	6,1					
66	19004363	Vũ Nguyễn Hồng	Sơn	Nam	04/07/2001	19T2-CNÔ1								X	
67	19003641	Huỳnh Ngọc	Sum	Nam	18/05/2001	19T2-CNÔ1	5,8	5,9	6,1	4,9					
68	19003598	Lê Nguyễn Thiên	Tâm	Nam	04/06/2001	19T2-CNÔ1	7,0	5,7	6,6	4,8					
69	19002024	Nguyễn Văn	Tâm	Nam	12/06/2001	19T2-CNÔ1	5,0	4,3	4,2	2,5					
70	19002905	Trương Quốc	Thái	Nam	24/01/2001	19T2-CNÔ1	7,4	7,4	6,6	7,5					
71	19004402	Lương Đức	Thiện	Nam	27/11/2001	19T2-CNÔ1	4,8	6,5	6,5	7,1					
72	19001631	Nguyễn Lê	Thường	Nam	19/04/1997	19T2-CNÔ1	4,6	3,3	3,6	3,5					
73	19004549	Đỗ Quốc	Tiến	Nam	25/08/2000	19T2-CNÔ1	8,2	6,3	6,4	7,9					
74	19003717	Phạm Văn	Tín	Nam	20/10/2001	19T2-CNÔ1	7,1	5,8	6,0	6,8					
75	19002278	Vô Đình	Toán	Nam	26/08/2001	19T2-CNÔ1	4,7	5,1	5,6	5,8					
76	19004134	Trương Đức	Triều	Nam	29/06/2001	19T2-CNÔ1	4,5	4,8	5,6	5,0					
77	19004469	Nguyễn Văn Anh	Tú	Nam	11/01/2001	19T2-CNÔ1	6,5	6,1	6,9	4,5					
78	19004188	Trịnh Nhật	Tuân	Nam	05/02/2001	19T2-CNÔ1	5,0	4,0	5,4	6,0					
79	19002418	Đặng Ngân	Tuấn	Nam	24/11/2001	19T2-CNÔ1	4,4	5,6	6,7	5,2					
80	19003210	Lưu Việt	Tùng	Nam	24/06/2001	19T2-CNÔ1	6,8	6,7	7,2	5,4					
81	19003588	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	28/01/2001	19T2-CNÔ1	5,3	4,1	6,5	6,5					

STT	MSHS	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Điểm TBC lớp 12				Điểm thi tốt nghiệp THPT			Nộp bổ sung	
							Toán	Lý	Hóa	Văn	Toán	Lý	Hóa	Bản sao Học bạ	Bản sao phiếu điểm thi TN
82	19004524	Nguyễn Minh Quốc	Tường	Nam	30/06/2001	19T2-CNÔ1	3,9	4,6	5,6	3,0					
83	19002163	Nguyễn Thế	Văn	Nam	14/11/2001	19T2-CNÔ1	5,4	5,7	7,2	5,5					
84	19004200	Ngô Hoàng	Việt	Nam	23/02/2001	19T2-CNÔ1	4,8	5,0	3,5	5,7					
85	19002505	Thái Văn	Việt	Nam	05/06/2001	19T2-CNÔ1	6,8	5,9	5,5	5,9					
86	19004486	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	25/08/2001	19T2-CNÔ1	6,3	6,1	5,8	5,8					
87	19004426	Tổng Duy	Vũ	Nam	14/02/2001	19T2-CNÔ1	5,9	5,8	6,3	3,9					
88	19002890	Trương Anh	Vũ	Nam	20/07/2001	19T2-CNÔ1	5,6	7,0	7,0	6,4					
89	19004382	Võ Phi	Vũ	Nam	01/05/2001	19T2-CNÔ1	4,2	4,1	6,2	5,6					
90	19002036	Nguyễn Trọng	Anh	Nam	05/10/2001	19T2-ĐCNI	7,1	4,3	5,7	4,5					
91	19004251	Nguyễn Văn	Chung	Nam	20/04/1996	19T2-ĐCNI	5,8	4,4	4,4	5,8					
92	19004626	Nguyễn Văn	Đức	Nam	04/03/2001	19T2-ĐCNI								X	
93	19004024	Nguyễn Minh	Hải	Nam	24/01/2001	19T2-ĐCNI	6,4	5,3	4,8	5,6					
94	19004033	Huỳnh Ngọc	Hảo	Nam	12/07/2001	19T2-ĐCNI	5,6	6,0	5,2	5,4					
95	19004178	Nguyễn Tấn	Hùng	Nam	07/08/2001	19T2-ĐCNI	4,3	5,6	5,2	5,6					
96	19003980	Huỳnh Nguyễn	Hưng	Nam	18/04/2000	19T2-ĐCNI	5,6	7,0	4,8	5,7					
97	19000045	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	06/04/1999	19T2-ĐCNI	7,1	6,6	6,6	5,5					
98	19002992	Trần Minh	Khang	Nam	07/10/2001	19T2-ĐCNI	5,7	7,3	6,6	4,6					
99	19002945	Nguyễn Lưu	Khánh	Nam	08/08/2001	19T2-ĐCNI	5,2	5,9	4,9	5,3					
100	19003880	Trần Đăng	Khoa	Nam	18/10/2001	19T2-ĐCNI	6,8	7,5	7,4	7,2					
101	19003677	Nguyễn Quốc	Khương	Nam	27/05/2001	19T2-ĐCNI	5,9	6,2	6,7	4,7					
102	19004445	Bùi Văn	Lâm	Nam	03/07/2001	19T2-ĐCNI	5,0	5,6	5,1	5,9					
103	19002528	Nguyễn Thành	Lâm	Nam	10/02/2001	19T2-ĐCNI	7,5	7,8	6,6	6,2					
104	19003715	Phan Văn	Luân	Nam	16/10/2000	19T2-ĐCNI	3,9	4,3	4,0	4,3					
105	19004309	Thới Văn	Minh	Nam	10/07/2001	19T2-ĐCNI	6,7	5,6	4,9	3,8					
106	19004555	Lê Thanh	Nam	Nam	22/07/2001	19T2-ĐCNI	5,2	6,9	6,1	4,8					
107	19002297	Đoàn Văn	Nghĩa	Nam	06/04/2001	19T2-ĐCNI	6,8	6,2	7,6	7,1					
108	19003728	Huỳnh Lê Anh	Nhật	Nam	01/04/1997	19T2-ĐCNI	7,2	5,8	5,6	5,7					
109	19003815	Dương Minh	Phát	Nam	29/06/2000	19T2-ĐCNI	6,2	7,0	6,0	5,3					
110	19003644	Nguyễn Khắc	Phong	Nam	10/01/2001	19T2-ĐCNI	5,4	6,6	4,3	6,8					
111	19004261	Lư Anh	Phúc	Nam	14/09/2000	19T2-ĐCNI	6,5	6,6	6,6	6,6					
112	19003273	Nguyễn Lê Tấn	Tài	Nam	16/10/2000	19T2-ĐCNI	5,3	5,5	6,1	5,9					
113	19004518	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	29/04/2001	19T2-ĐCNI	5,1	6,4	6,7	4,9					
114	19001629	Phạm Phú	Thắng	Nam	09/11/1997	19T2-ĐCNI	5,3	5,2	6,2	5,3					
115	19005098	Phan Quốc	Thắng	Nam	01/07/2001	19T2-ĐCNI								X	
116	19000283	Phan Tuấn	Thành	Nam	13/11/1997	19T2-ĐCNI	5,8	5,1	4,8	4,7					
117	19002359	Nguyễn Thành	Tiến	Nam	28/11/2001	19T2-ĐCNI	6,3	7,6	5,1	5,9					
118	19003266	Khổng Minh	Trí	Nam	15/09/2000	19T2-ĐCNI	5,1	7,3	7,3	4,2					
119	19003146	Nguyễn Minh	Trung	Nam	30/07/2001	19T2-ĐCNI	6,4	6,6	6,2	6,2					
120	19003861	Nguyễn Lê Nhật	Trường	Nam	11/02/2001	19T2-ĐCNI	4,5	5,7	6,0	5,6					
121	19004479	Võ Thành	Vinh	Nam	10/02/1995	19T2-ĐCNI	4,6	5,6	3,7	5,0					
122	19002585	Phạm Thanh	Vũ	Nam	04/01/2000	19T2-ĐCNI	5,3	5,5	5,4	4,3					
123	19005246	Trần Anh	Vũ	Nam	19/04/2000	19T2-ĐCNI	4,4	5,2	4,1	5,0					
124	19003504	Dương Thành	Chiến	Nam	25/05/2001	19T2-QTMI	6,3	8,4	8,6	6,0					



STT	MSHS	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Điểm TBC lớp 12				Điểm thi tốt nghiệp THPT			Nộp bổ sung	
							Toán	Lý	Hóa	Văn	Toán	Lý	Hóa	Bản sao Học bạ	Bản sao phiếu điểm thi TN
125	19004527	Huỳnh Tấn	Chiến	Nam	10/01/2001	19T2-QTM1	3,8	6,0	4,2	5,3					
126	19003870	Trần Trọng	Cường	Nam	09/07/2001	19T2-QTM1	6,3	6,6	6,8	4,6					
127	19005197	Mai Huỳnh Minh	Đức	Nam	04/01/2001	19T2-QTM1	5,9	5,1	6,5	6,0					
128	19004187	Nguyễn Trường	Duy	Nam	16/01/2001	19T2-QTM1	6,6	6,6	7,5	6,5					
129	19004600	Trà Anh	Duy	Nam	21/08/2001	19T2-QTM1	5,0	6,5	6,8	5,4					
130	19002605	Trần Đức	Duy	Nam	04/02/2000	19T2-QTM1	7,0	6,1	6,4	5,1					
131	19003395	Võ Minh	Hậu	Nam	25/12/2001	19T2-QTM1	6,1	7,0	5,1	5,0					
132	19004531	Đỗ Ngọc	Hiếu	Nam	11/05/1998	19T2-QTM1	5,1	4,5	5,5	5,2					
133	19000323	Tạ Minh	Hiếu	Nam	28/05/1998	19T2-QTM1	4,4	4,6	4,5	5,1					
134	19003519	Đỗ Thái	Hòa	Nam	21/05/1999	19T2-QTM1	5,5	7,2	6,6	6,5					
135	19003591	Phạm Thái	Hòa	Nam	08/08/2001	19T2-QTM1	6,3	8,3	7,5	5,6					
136	19003891	Trương Gia	Huấn	Nam	07/10/1999	19T2-QTM1	4,6	6,0	5,2	5,2					
137	19003094	Phạm Minh	Hùng	Nam	03/01/2001	19T2-QTM1	6,4	5,7	5,1	3,9					
138	19000023	Nguyễn Cao	Hưng	Nam	02/07/1998	19T2-QTM1	5,8	6,5	5,3	4,1					
139	19003464	Trịnh Hoàng Gia	Huy	Nam	18/04/2001	19T2-QTM1	6,9	6,6	5,8	5,5					
140	19003409	Lê Trần Duy	Khang	Nam	05/04/2001	19T2-QTM1	5,0	5,6	5,8	6,3					
141	19003224	Võ Duy	Khang	Nam	12/10/2001	19T2-QTM1	5,2	5,3	5,8	5,8					
142	19003754	Lê Thanh	Liêm	Nam	01/06/1999	19T2-QTM1	5,3	5,1	5,2	6,3					
143	19004552	Lê Thụy Phương	Linh	Nữ	12/12/2001	19T2-QTM1	7,5	8,1	8,1	6,5					
144	19003613	Nguyễn Thành	Long	Nam	03/05/2000	19T2-QTM1	4,3	7,0	6,6	6,9					
145	19002551	Trần Hoàng Kim	Long	Nam	01/11/2000	19T2-QTM1	4,7	5,0	5,7	6,6					
146	19003764	Nguyễn Chí	Mẫn	Nam	01/11/2000	19T2-QTM1	5,1	6,0	4,8	6,5					
147	19002540	Huỳnh Triều Hải	Nguyên	Nam	15/10/2001	19T2-QTM1	7,3	6,0	6,2	5,5					
148	19002019	Phan Thành	Nhân	Nam	22/02/2001	19T2-QTM1	7,2	6,2	5,3	5,6					
149	19003669	Mai Thanh	Phong	Nam	27/08/2001	19T2-QTM1	6,7	6,9	5,5	5,3					
150	19002906	Vương Thanh	Phong	Nam	23/05/2001	19T2-QTM1	5,0	6,3	6,7	4,6					
151	19003777	Phạm Tấn	Phú	Nam	22/06/2001	19T2-QTM1	6,1	6,0	5,8	6,0					
152	19002458	Nguyễn Thanh	Phương	Nam	25/02/2001	19T2-QTM1	4,9	3,8	5,9	4,7					
153	19003737	Nguyễn Trần	Phương	Nam	02/05/2001	19T2-QTM1	6,6	5,7	6,2	7,4					
154	19004662	Phan Thị Thảo	Phương	Nữ	23/07/1997	19T2-QTM1	4,5	5,7	6,1	5,1					
155	19004158	Nguyễn Ngọc	Quân	Nam	14/01/2000	19T2-QTM1	7,7	6,7	5,4	5,5					
156	19004241	Tô Khánh	Quỳnh	Nữ	24/06/2001	19T2-QTM1	3,6	4,7	4,5	4,2					
157	19003184	Lê Anh	Tài	Nam	23/05/2001	19T2-QTM1	5,5	8,7	6,4	7,0					
158	19003607	Đặng Trần Quốc	Thái	Nam	02/01/2000	19T2-QTM1	3,6	4,2	3,8	4,8					
159	19004070	Phạm Quốc	Thắng	Nam	28/07/2001	19T2-QTM1	5,4	5,8	6,7	6,2					
160	19002127	Bùi Công	Thành	Nam	06/11/2001	19T2-QTM1	6,2	5,6	6,4	6,0	5,2				
161	19005306	Trương Huỳnh Công	Thịnh	Nam	19/12/1996	19T2-QTM1	6,0	5,2	5,7	5,4					
162	19003668	Nguyễn Thị Anh	Thơ	Nữ	19/08/2001	19T2-QTM1	5,9	4,1	4,7	6,4					
163	19003720	Võ Thành	Thông	Nam	15/09/2001	19T2-QTM1	6,7	6,2	5,4	6,3					
164	19002432	Huỳnh Võ Duy	Thuận	Nam	24/08/2001	19T2-QTM1	5,9	6,7	6,2	5,1					
165	19002996	Trần Minh	Thuận	Nam	01/10/2001	19T2-QTM1								X	
166	19001828	Lê Thị Thu	Thùy	Nữ	10/05/2001	19T2-QTM1	5,6	5,1	4,4	3,9					
167	19004434	Bùi Tuấn	Toàn	Nam	15/03/2001	19T2-QTM1	6,6	6,7	5,0	3,8					

STT	MSHS	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Điểm TBC lớp 12				Điểm thi tốt nghiệp THPT			Nộp bổ sung	
							Toán	Lý	Hóa	Văn	Toán	Lý	Hóa	Bản sao Học bạ	Bản sao phiếu điểm thi TN
168	19005009	Hoàng	Khánh Bảo	Trần	Nữ	05/02/2001	19T2-QTM1	7,3	7,6	7,1	6,7				
169	19003845	Nguyễn	Hoàn	Trọng	Nam	24/08/2001	19T2-QTM1	6,7	6,8	7,8	5,1				
170	19003574	Mai	Trung	Trực	Nam	02/07/2001	19T2-QTM1	7,1	7,0	6,5	5,5				
171	19004301	Phan	Anh	Tú	Nam	06/06/2001	19T2-QTM1	6,1	6,7	5,8	6,1				
172	19003539	Nguyễn Đình Quốc	Tuấn	Nam	26/04/2001	19T2-QTM1	4,3	6,4	3,9	5,2					
173	19004124	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	Nữ	30/01/1993	19T2-QTM1	3,1	3,5	3,6	3,9					
174	19004270	Nguyễn Đại	Việt	Nam	10/02/1999	19T2-QTM1	6,4	6,3	7,5	5,7					
175	19003877	Bùi Quốc	Vinh	Nam	28/03/2001	19T2-QTM1	4,1	7,4	5,2	6,1					
176	19003275	Nguyễn Khắc Lê Xuân	Y	Nam	25/01/2001	19T2-QTM1	5,2	5,6	4,5	4,6					

Tổng cộng danh sách có **176** học sinh

Lưu ý:

- HS có điểm Trung bình chung lớp 12 (các môn Toán, Lý, Hóa, Văn) từ 5,0 trở lên được miễn học Bồi dưỡng văn hóa
- HS có điểm thi THPT quốc gia từ 5,0 trở lên (các môn Toán, Lý, Hóa) được miễn thi tốt nghiệp văn hóa môn ≥ 5 đ